| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Châu Văn Bình;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Phước

2. Bà Trần Thị Phiến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:* Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, về "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 286, ấp Tân Thuận, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 286, ấp Tân Thuận, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 chị N và anh T quen biết nhau, sau

thời gian tìm hiểu nên cả hai tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2008.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì xãy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T không chăm lo cho gia đình, tính tình khó chịu hay cằn nhằn làm cho vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị N và anh T không còn ở chung khoảng hơn một năm nay.

Lúc đầu khi chị N về nhà cha mẹ ruột ở, cất quán thì anh T có đến phụ, chị N cũng đồng ý vì lúc này chị N còn muốn hàn gắn tình cảm với anh T, chưa muốn ly hôn nhưng anh T không thay đổi, thường cằn nhằn nên chị N không cho anh T ra quán nữa.

Trước khi gửi đơn yêu cầu ly hôn thì chị N đã nhiều lần cho anh T cơ hội nhưng anh T không thay đổi.

Tại buổi hòa giải ngày 07/3/2024 anh T xin thời gian 02 tháng để sửa đổi, hàn gắn tình cảm nhưng thực tế anh T không có động thái nào để thực hiện việc này nên chị N vẫn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con là Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 30/6/2008 hiện cháu đang ở chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt nhưng theo biên bản hòa giải trước đây, anh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị N, cả hai quen biết nhau trước, sau thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày ngày 24/4/2008.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì xãy ra nhiều mâu thuẫn và thường cãi nhau, một phần do anh T bị tai nạn không làm nặng được nên không có tiền lo gia đình, đôi lúc anh T cũng nói nhiều cằn nhằn nên làm chị N khó chịu. Cả hai không còn sống chung khoảng một năm nay.

Anh T muốn hàn gắn tình cảm với chị N nên yêu cầu cho thời gian suy nghĩ để anh T động viên chị N, nếu sau này anh T không thể làm cho chị N rút lại đơn yêu cầu thì việc Tòa án cho ly hôn hay không tùy Tòa án quyết định, anh T không ý kiến.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con là Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 30/6/2008 hiện cháu Th đang ở chung với chị N, lâu lâu anh T cũng đến thăm con và cho tiền mua đồ ăn. Do cháu Thy ở chung với chị N từ nhỏ nên nếu sau này Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý giao cháu Th cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh T sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).***

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh T chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 30/6/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

***[1] Về thủ tục tố tụng:***

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không lý do. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

***[2] Về nội dung vụ án:***

*[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N, Hội đồng xét thấy như sau:*

Qua lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 2007 chị N và anh T quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về sống chung chị N và anh T sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân về kinh tế do anh T không chăm lo cho gia đình, tính tình khó chịu hay cằn nhằn chị N, làm cho vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị N về nhà mẹ ruột ở cho đến nay.

Sau đó có khoảng thời gian anh T đến quán nước chỗ chị N để phụ nhưng vì tính hay nói nhiều nên chị N không cho anh T phụ tiếp, điều này cho thấy anh T không thấy khuyết điểm của mình, không chịu sửa đổi tính tình để hàn gắn tình cảm với chị N làm cho mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng trở nên trầm trọng hơn.

Sau buổi hòa giải, ngày 07/3/2024 mặc dù anh T yêu cầu cho thời gian để hàn gắn tình cảm, tuy nhiên theo chị N xác định thì anh T không có động thái gì, cũng như khi Tòa án triệu tập đến phiên tòa thì anh T vắng mặt. Điều này cho thấy anh T cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị N. Nên xét mối quan hệ trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T không đạt mục đích.

***Theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định trường hợp Ly hôn theo yêu cầu của một bên***

*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*

Do đó việc chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T là có sơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[2.2] Xét về con chung, tài sản chung và nợ chung:*

- Về con chung: Chị N và anh T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 30/6/2008 hiện cháu Thy đang ở chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thy và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng đồng ý giao cháu Thy cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh T sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con khả năng.

Đồng thời theo văn bản ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th ngày 15/4/2024 thể hiện việc cháu Thy mong muốn được ở chung với mẹ nếu Tòa án giải quyết cho chị N và anh T ly hôn.

Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với ý kiến của cháu Thy nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu Thy cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết N. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Th, sinh ngày 30/6/2008 (hiện đang ở chung với chị N) cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền đến thăm nôm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002211 ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú Trung (Số 50/2008);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Châu Văn Bình**